

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

Bản án số: 14/2024/HS-ST

Ngày: 30-01-2024

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh P

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Xuân Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Tiến và bà Vũ Thị Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nhật Khánh - Thư ký TAND huyện Thái Thụy

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự T lý số: 186/2023/TLST-HS ngày 30/11/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXXST- HS ngày 04/01/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2024/HSST-ST ngày 18/01/2024 đối với bị cáo:

Tạ Đình T, sinh ngày 02/5/1984 tại huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn Q, xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Tạ Đình Đ (đã chết) và con bà: Nguyễn Thị Miên, sinh năm 1949; Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị M, sinh năm 1988 – đã ly hôn, có 03 con (con lớn nhất sinh năm 2006 và con nhỏ nhất sinh năm 2013); Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân:

- Bản án số 03/HSPT ngày 12/01/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xử phạt Tạ Đình T 01 năm tù, về tội Cố ý gây thương tích (chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/02/2010, chấp hành xong án phí ngày 29/6/2009);

- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 61/QĐ-XPHC ngày 31/3/2023 của Công an huyện Thái Thụy (phạt tiền 6.500.000 đồng) về hành vi cố ý gây thương tích (theo Quyết định đình chỉ điều tra vụ án hình sự số 03; Quyết định đình chỉ điều tra bị can số 03 cùng ngày 11/3/2023, đã nộp phạt ngày 18/4/2023).

- Bản án số 99/2022/HSST ngày 18/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xử phạt Tạ Đình T 07 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 02 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, về tội Đánh bạc (không xác định là tiền án vì các lần T cho vay lãi bị truy tố đều thực hiện trước ngày 18/10/2022).

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt).

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

01. Chị Bùi Thị Thu T1, sinh năm 1989; Địa chỉ: tổ dân phố số 9, thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình.

02. Anh Đoàn Thanh P, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số nhà 141, tổ dân phố số 9, thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình.

03. Anh Đoàn Thành Đ1, sinh năm 1981; Địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện T, tỉnh Thái Bình.

04. Chị Lê Thị P, sinh năm 1975; Địa chỉ: Thôn V, xã X, huyện T, tỉnh Thái Bình.

05. Chị Đặng Thị N, sinh năm 1982; Địa chỉ: Tổ dân phố N, thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình.

06. Chị Bùi Thị H, sinh năm 1993; Địa chỉ: Tổ dân phố số 9, thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình.

07. Anh Trần Mạnh Th, sinh năm 1995; Địa chỉ: Thôn Đ, xã D, huyện T, tỉnh Thái Bình.

08. Chị Nguyễn Thị Th2, sinh năm 1999; Địa chỉ: Thôn 3 L, xã P, huyện T, tỉnh Thái Bình.

09. Bà Cao Thị Th3, sinh năm 1959; Địa chỉ: Số nhà 65, tổ dân phố số 3, thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình.

(Tất cả những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 7 năm 2022 đến tháng 10 năm 2022, Tạ Đình T không có giấy phép trong lĩnh vực kinh doanh cho vay, cấp tín dụng đã có hành vi cho vay tiền nhằm mục đích thu lời bất chính là số tiền lãi vượt quá quy định của Nhà nước đối với 9 người, bao gồm: Chị Bùi Thị Thu T1, anh Đoàn Thanh P, anh Đoàn Thành Đ1, chị Lê Thị P, bà Cao Thị Th3, chị Đặng Thị N, chị Bùi Thị H, anh Trần Mạnh Th và chị Nguyễn Thị Th2. Từ tháng 7/2022 đến tháng 10/2022, T đã cho 09 cá nhân vay tiền, thỏa thuận lãi suất từ 3.000 đồng đến 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương với mức lãi suất từ 109,5% đến 182,5%/năm, gấp quá 5 lần so với mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự; dưới hình thức bốc bát họ hoặc tín chấp, người vay không phải cầm cố tài sản. Đối với hình thức bốc bát họ, T và người vay thỏa thuận, T chỉ đưa cho người vay 85% số tiền vay, T giữ 15% số tiền vay còn lại (thu lãi trước), thời hạn vay 50 ngày, cứ 05 ngày người vay phải trả một phần tiền gốc, sau 50 ngày người vay phải trả đủ cho T số tiền gốc. Ví dụ khoản vay 20.000.000 đồng, T thu luôn tiền lãi 3.000.000 đồng, chỉ đưa người vay 17.000.000 đồng; cứ 05 ngày người vay phải trả 2.000.000 đồng tiền gốc, đủ 50 ngày thì người vay phải trả đủ số tiền gốc là 20.000.000 đồng. Đến ngày trả tiền gốc mà người vay không trả được thì T không tính thêm lãi. Đối với vay tín chấp, T và người vay không thỏa thuận thời hạn vay, lãi tính theo ngày, sau 01 tháng người vay phải trả lãi tương ứng với số tiền gốc đã vay, T cũng thu tiền lãi tháng đầu tiên khấu trừ vào tiền gốc, không cộng dồn lãi vào gốc. Thông tin tên người vay được T ghi vào một quyển vở để quản lý, theo dõi. Đến ngày trả tiền gốc, có người gặp T trả trực tiếp, có người

trả vào tài khoản số 101868203604, mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam, chi nhánh Thái Bình mang tên Tạ Đình T.

Lãi suất được tính như sau: Lãi suất của 01 ngày chia ($\div$) cho 1.000.000 đồng nhân ($\times$) với 365 ngày nhân ($\times$) với 100. Ví dụ: $3.000 \div 1.000.000 \text{ đồng} \times 365 \times 100 = 109,5\%/năm$. Gấp 5 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự là: $20\%/năm \times 5 = 100\%/năm$. Lãi suất 20%/năm được tính như sau: $20\% \div 365 \text{ ngày} \times \text{số tiền gốc cho vay} \times \text{số ngày vay cụ thể}$. Cách tính tiền lãi thu lợi bất chính được tính như sau: xác định “X” là tiền lãi thu lợi bất chính, “Y” là tiền lãi thu được của khoản vay, “K” là số ngày vay tiền, “Z” là số tiền vay thì: $X = Y - (20\% \div 365 \times K \times Z)$, trong đó 20% là phần trăm lãi suất vay tối đa trên 01 năm theo quy định của pháp luật, 365 là số ngày của 1 năm. Ví dụ đối với khoản tiền vay 10.000.000 đồng với lãi suất vay 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, thời hạn vay 50 ngày kết quả như sau: $X = (3000 \div 1.000.000 \text{ đồng} \times 50 \times 10.000.000 \text{ đồng}) - (20\% \div 365 \times 50 \times 10.000.000 \text{ đồng}) = 1.500.000 \text{ đồng} - 273.973 \text{ đồng} = 1.226.027 \text{ đồng}$.

Cụ thể T cho các cá nhân vay và thu lợi bất chính xác định được như sau:

1. T cho chị Bùi Thị Thu T1 vay các khoản:

- Khoản vay 1: Ngày 24/7/2022, T cho chị T1 vay số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương với mức lãi suất 182,5%/năm; thỏa thuận cứ đến ngày 24 hằng tháng, chị T1 phải trả cho T số tiền lãi 7.500.000 đồng. T thu luôn tiền lãi tháng đầu là 7.500.000 đồng nên chỉ chuyển khoản cho chị T1 số tiền 42.500.000 đồng. Đến ngày 24/8/2022, chị T1 không trả được tiền lãi tháng thứ hai, xin T không tính lãi. T đồng ý, chỉ tính tiền nợ gốc 50.000.000 đồng. Đến nay chị T1 vẫn nợ T số tiền gốc 50.000.000 đồng của khoản vay này. Như vậy tháng đầu tiên T đã thu của chị T1 7.500.000 đồng tiền lãi, trong đó số tiền tính theo mức lãi suất 20%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 877.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 6.623.000 đồng (đã làm tròn).

- Khoản vay 2: Ngày 01/8/2022, T cho chị T1 bóc bắt họ số tiền 20.000.000 đồng, vay trong 50 ngày, lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng với mức lãi suất 109,5%/năm. T thu trước 3.000.000 đồng tiền lãi, chỉ đưa cho chị T1 17.000.000 đồng. Cứ 05 ngày, chị T1 trả cho T 2.000.000 đồng tiền gốc, sau 50 ngày (kể từ ngày vay) chị T1 đã trả đủ cho T 20.000.000 đồng tiền gốc. Như vậy T đã thu của chị T1 3.000.000 đồng tiền lãi, trong đó số tiền tính theo mức lãi suất 20%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 548.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 2.452.000 đồng (đã làm tròn).

Tổng số tiền lãi T đã thu của chị T1 đối với 02 khoản vay trên là 10.500.000 đồng, trong đó số tiền tính theo mức lãi suất 20%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 1.425.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 9.075.000 đồng.

2. Ngày 03/8/2022, T cho anh Đoàn Thanh P bóc bắt họ số tiền 10.000.000 đồng, thời gian vay 50 ngày, lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng với mức lãi suất 109,5%/năm. T thu trước 1.500.000 đồng tiền lãi, chỉ đưa cho anh P số tiền 8.500.000 đồng. Cứ 05 ngày, anh P trả cho T 1.000.000 đồng tiền gốc, sau 50 ngày (kể từ ngày vay), anh P đã trả đủ cho T 10.000.000 đồng. Như vậy T đã thu

của anh P 1.500.000 đồng tiền lãi, trong đó số tiền tính theo mức lãi suất 20%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 274.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.226.000 đồng (đã làm tròn).

3. Ngày 18/8/2022, T cho anh Đoàn Thành Đ1 bốc bắt họ số tiền 20.000.000 đồng, vay trong 50 ngày, lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng với mức lãi suất 109,5%/năm. T thu trước 3.000.000 đồng tiền lãi, chỉ đưa cho anh Đ1 17.000.000 đồng. Cú 05 ngày, anh Đ1 trả cho T 2.000.000 đồng tiền gốc, sau 50 ngày (kể từ ngày vay) anh Đ1 đã trả đủ 20.000.000 đồng tiền gốc. Như vậy T đã thu của anh Đ1 3.000.000 đồng tiền lãi, trong đó số tiền tính theo mức lãi suất 20%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 548.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 2.452.000 đồng (đã làm tròn).

4. Ngày 20/8/2022, T cho chị Lê Thị P bốc bắt họ số tiền 20.000.000 đồng, vay trong 50 ngày, lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng với lãi suất 109,5%/năm. T thu trước 3.000.000 đồng tiền lãi, chỉ đưa cho chị P 17.000.000 đồng. Cú 05 ngày, chị P trả cho T 2.000.000 đồng tiền gốc, sau 50 ngày (kể từ ngày vay) chị P đã trả đủ 20.000.000 đồng tiền gốc. Như vậy T đã thu của chị P 3.000.000 đồng tiền lãi, trong đó số tiền tính theo mức lãi suất 20%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 548.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 2.452.000 đồng (đã làm tròn).

5. T cho bà Cao Thị Th3 vay các khoản:

- Khoản vay 1: Ngày 25/8/2022, T cho bà Th3 bốc bắt họ số tiền 10.000.000 đồng, vay trong 50 ngày, lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng với mức lãi suất 109,5%/năm. T thu trước 1.500.000 đồng tiền lãi, chỉ đưa cho bà Th3 số tiền 8.500.000 đồng. Cú 05 ngày, bà Th3 trả cho T 1.000.000 đồng tiền gốc. Sau 50 ngày (kể từ ngày vay), bà Th3 đã trả đủ cho T 10.000.000 đồng. Như vậy T đã thu của bà Th3 1.500.000 đồng tiền lãi, trong đó số tiền tính theo mức lãi suất 20%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 274.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.226.000 đồng (đã làm tròn).

- Khoản vay 2: Ngày 26/8/2022, T cho bà Th3 bốc bắt họ số tiền 10.000.000 đồng, vay trong 50 ngày, lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng với mức lãi suất 109,5%/năm. T thu trước 1.500.000 đồng tiền lãi, chỉ đưa cho bà Th3 số tiền 8.500.000 đồng. Cú 05 ngày, bà Th3 trả cho T 1.000.000 đồng tiền gốc. Sau 50 ngày (kể từ ngày vay), bà Th3 đã trả đủ cho T 10.000.000 đồng. Như vậy T đã thu của bà Th3 1.500.000 đồng tiền lãi, trong đó số tiền tính theo mức lãi suất 20%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 274.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.226.000 đồng (đã làm tròn).

Tổng số tiền lãi T đã thu của bà Th3 đối với 02 khoản vay trên là 3.000.000 đồng, trong đó số tiền tính theo mức lãi suất 20%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 548.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 2.452.000 đồng.

6. T cho chị Đặng Thị N vay các khoản:

- Khoản vay 1: Ngày 26/8/2022, T cho chị N bốc bắt họ số tiền 20.000.000 đồng, vay trong 50 ngày, lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng với mức lãi suất 109,5%/năm. T thu trước 3.000.000 đồng tiền lãi, chỉ đưa cho chị N

17.000.000 đồng. Cứ 05 ngày, chị N trả cho T 2.000.000 đồng tiền gốc, sau 50 ngày (kể từ ngày vay) chị N đã trả đủ 20.000.000 đồng tiền gốc. Như vậy T đã thu của chị N 3.000.000 đồng tiền lãi, trong đó số tiền tính theo mức lãi suất 20%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 548.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 2.452.000 đồng (đã làm tròn).

- Khoản vay 2: Ngày 09/9/2022, T cho chị N bóc bắt họ số tiền 20.000.000 đồng, vay trong 50 ngày, lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng với mức lãi suất 109,5%/năm. T thu trước 3.000.000 đồng tiền lãi, chỉ đưa cho chị N 17.000.000 đồng. Cứ 05 ngày, chị N trả cho T 2.000.000 đồng tiền gốc, sau 50 ngày (kể từ ngày vay) chị N đã trả đủ 20.000.000 đồng tiền gốc. Như vậy T đã thu của chị N 3.000.000 đồng tiền lãi, trong đó số tiền tính theo mức lãi suất 20%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 548.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 2.452.000 đồng (đã làm tròn).

Tổng số tiền lãi T đã thu của chị N đối với 02 khoản vay trên là 6.000.000 đồng, trong đó số tiền tính theo mức lãi suất 20%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 1.096.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 4.904.000 đồng.

7. T cho chị Bùi Thị H vay các khoản:

- Khoản vay 1: Ngày 28/8/2022, T cho chị H bóc bắt họ số tiền 20.000.000 đồng, vay trong 50 ngày, lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng với mức lãi suất 109,5%/năm. T thu trước 3.000.000 đồng tiền lãi, chỉ đưa cho chị H 17.000.000 đồng. Đến nay chị H mới trả cho T 8.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ 12.000.000 đồng. Như vậy T đã thu của chị H 3.000.000 đồng tiền lãi, trong đó số tiền tính theo mức lãi suất 20%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 548.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 2.452.000 đồng (đã làm tròn).

- Khoản vay 2: Ngày 01/10/2022, T cho chị H bóc bắt họ số tiền 20.000.000 đồng, vay trong 50 ngày, lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng với mức lãi suất 109,5%/năm. T thu trước 3.000.000 đồng tiền lãi, chỉ đưa cho chị H 17.000.000 đồng. Đến nay chị H mới trả cho T 12.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ 8.000.000 đồng. Như vậy T đã thu của chị H 3.000.000 đồng tiền lãi, trong đó số tiền tính theo mức lãi suất 20%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 548.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 2.452.000 đồng (đã làm tròn).

Tổng số tiền lãi T đã thu của chị H đối với 02 khoản vay trên là 6.000.000 đồng, trong đó số tiền tính theo mức lãi suất 20%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 1.096.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 4.904.000 đồng.

8. Ngày 03/9/2022, T cho anh Trần Mạnh Th bóc bắt họ số tiền 20.000.000 đồng, vay trong 50 ngày, lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng với mức lãi suất 109,5%/năm. T thu trước 3.000.000 đồng tiền lãi, chỉ đưa cho anh Th 17.000.000 đồng. Cứ 05 ngày, anh Th trả cho T 2.000.000 đồng tiền gốc, sau 50 ngày (kể từ ngày vay) anh Th đã trả đủ 20.000.000 đồng tiền gốc. Như vậy T đã thu của anh Th 3.000.000 đồng tiền lãi, trong đó số tiền tính theo mức lãi suất 20%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 548.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 2.452.000 đồng (đã làm tròn).

9. Ngày 13/9/2022, T cho chị Nguyễn Thị Th2 bốc bắt họ số tiền 10.000.000 đồng, vay trong 50 ngày, lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng với mức lãi suất 109,5%/năm. T thu trước 1.500.000 đồng tiền lãi, chỉ đưa cho chị Th2 số tiền 8.500.000 đồng. Cứ 05 ngày, chị Th2 trả cho T 1.000.000 đồng tiền gốc. Sau 50 ngày (kể từ ngày vay), chị Th2 đã trả đủ cho T 10.000.000 đồng. Như vậy T đã thu của chị Th2 1.500.000 đồng tiền lãi, trong đó số tiền tính theo mức lãi suất 20%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 274.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.226.000 đồng (đã làm tròn).

Như vậy, Tạ Đình T đã cho 09 cá nhân vay tổng số tiền 250.000.000 đồng, tổng số tiền lãi đã thu là 37.500.000 đồng, trong đó số tiền tính theo mức lãi suất 20%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 6.357.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 31.143.000 đồng.

Bản cáo trạng số 188/CT-VKSTT ngày 29/11/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố bị cáo Tạ Đình T về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng đã truy tố và trình bày: Do háms lợi muốn thu lời nhanh nên bị cáo đã cho nhiều người vay tiền và bốc bắt họ với thỏa thuận lãi suất từ 3.000 đồng đến 5.000 đồng/1.000.000đồng/ngày, tương đương với mức lãi suất từ 109,5% đến 182,5%/năm, gấp quá 5 lần so với mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015. Bị cáo cũng đã tìm hiểu pháp luật và thừa nhận đã cho 9 người vay tiền với nội dung đúng như cáo trạng đã truy tố. Bị cáo xác định trong quá trình điều tra, truy tố và chuẩn bị xét xử còn chị Bùi Thị Thu T1 chưa trả nợ gốc 50.000.000 đồng, chị Bùi Thị H chưa trả nợ gốc là 20.000.000 đồng cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Tạ Đình T phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 201; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng cải tạo không giam giữ, không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo, phạt bổ sung từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị HĐXX tuyên:

- Đối với 01 điện thoại di động của Tạ Đình T đề nghị tịch thu sung quỹ nhà nước.

- Buộc bị Tạ Đình T phải nộp số tiền 186.357.000 đồng (trong đó: 180.000.000 đồng là số tiền gốc và 6.357.000 đồng là số tiền tính theo mức lãi suất 20%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự) để sung quỹ Nhà nước.

- Buộc chị Bùi Thị Thu T1 nộp số tiền 50.000.000 đồng và chị Bùi Thị H nộp số tiền 20.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

- Đề nghị HĐXX tuyên buộc bị cáo Tạ Đình T trả lại số tiền 1.226.000 đồng cho chị Nguyễn Thị Th2.

Ngoài ra bị cáo còn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không tranh luận gì và nói lời sau cùng: Bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thái Thụy, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Căn cứ kết tội bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Tạ Đình T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh bằng các chứng cứ sau: Lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Bùi Thị Thu T1, anh Đoàn Thanh P, anh Đoàn Thành Đ1, chị Lê Thị P, bà Cao Thị Th3, chị Đặng Thị N, chị Bùi Thị H, anh Trần Mạnh Th và chị Nguyễn Thị Th2; Công văn ngày 13/01/2023 của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, chi nhánh Thái Bình, Kết luận giám định số 6720/KL-KTHS ngày 29/9/2023 của Viện khoa học Hình sự Bộ công an và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở để kết luận: Từ tháng 7/2022 đến ngày 01/10/2022, Tạ Đình T đã cho 9 người gồm: chị Bùi Thị Thu T1, anh Đoàn Thanh P, anh Đoàn Thành Đ1, chị Lê Thị P, bà Cao Thị Th3, chị Đặng Thị N, chị Bùi Thị H, anh Trần Mạnh Th và chị Nguyễn Thị Th2 vay tổng số tiền là 250.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất từ 3.000 đồng đến 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương với mức lãi suất từ 109,5% đến 182,5%/năm, gấp quá 5 lần so với mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự (trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay). Tổng số tiền lãi Tạ Đình T đã thu của các cá nhân trên là 37.500.000 đồng, trong đó số tiền tính theo mức lãi suất 20%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 6.357.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 31.143.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

“Điều 201. Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự

1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

.....
3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”.

[3] Đánh giá tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội của bị cáo thấy: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tín dụng và hoạt động kinh doanh tiền tệ, xâm phạm đến lợi ích của công dân. Bị cáo là người trưởng thành, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức hành vi cho lãi nặng là nguy hiểm cho xã hội nhưng vì động cơ vụ lợi, mục đích thu lợi bất chính một cách nhanh nhất đã bất chấp phạm tội với lỗi cố ý. Do đó, việc đưa ra xét xử bị cáo là đúng quy định của pháp luật hình sự.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Từ những phân tích, nhận định về tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo là người có nhân thân xấu, đã từng bị xét xử nhiều lần nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà còn tiếp tục phạm tội, do đó cần phải xử phạt mức án nghiêm minh, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và nhân thân bị cáo, đủ để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo nói riêng cũng như răn đe, đấu tranh và phòng ngừa tội phạm nói chung cho xã hội. Do bị cáo không có công ăn việc làm ổn định, không có tài sản riêng gì có giá trị nên không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo. Bị cáo phạm tội nhằm mục đích thu lợi bất chính nên cần phạt tiền là hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự, phạt bị cáo 30.000.000 đồng sung công quỹ nhà nước.

[6] Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự, Nghị quyết số 01/2021/NQQ-HĐTP ngày 20/12/2021 hướng dẫn về việc xét xử về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự:

[6.1] Buộc bị cáo Tạ Đình T phải nộp số tiền 186.357.000 đồng (trong đó: 180.000.000 đồng là số tiền gốc và 6.357.000 đồng là số tiền tính theo mức lãi suất 20%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự) để sung quỹ Nhà nước.

[6.2] Buộc chị Bùi Thị Thu T1 nộp số tiền 50.000.000 đồng, chị Bùi Thị H nộp số tiền 20.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

[6.3] Đối với số tiền thu lợi bất chính vượt mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định, HĐXX thấy cần buộc bị cáo Tạ Đình T trả lại số tiền 1.226.000đ cho chị Nguyễn Thị Th, đối với những người liên quan còn lại không yêu cầu T phải trả nên không đặt ra giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Chiếc điện thoại di động loại bàn phím, vỏ màu đen nhãn hiệu Nokia 105, số Imei: 356107168517327, điện thoại đã qua sử dụng là công cụ, phương tiện phạm tội cần tịch thu, sung quỹ nhà nước.

[8] Về các vấn đề khác trong vụ án:

[8.1] Về nguồn gốc số tiền 250.000.000 đồng bị cáo Tạ Đình T dùng để cho các cá nhân vay: Quá trình điều tra xác định đây là tài sản riêng của bị cáo, do lao động mà có, bị cáo sử dụng cho vay quay vòng nhiều lần.

[8.2] Tài liệu điều tra còn xác định từ tháng 8/2022 đến ngày 01/11/2022, Tạ Đình T cho các cá nhân khác vay tiền bằng hình thức bóc bát họ (gồm: chị Bùi Thị Thu T1, sinh năm 1989; chị Nguyễn Thị Đ4, sinh năm 1972, trú tại tổ dân phố số 9, thị trấn D; chị Nguyễn Thị H3, sinh năm 1995, trú tại tổ dân phố Hồ Đội 4, thị trấn D; chị Tạ Thị H2, sinh năm 1968; chị Lâm Thị H4, sinh năm 1968; chị Đinh Thị D, sinh năm 1977, trú tại tổ dân phố số 3, thị trấn D; chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1971, trú tại tổ dân phố số 1, thị trấn D; chị Lô Thị T5, sinh năm 1999, trú tại tổ dân phố số 8, thị trấn D; chị Lê Thị Đ4, sinh năm 1969; chị Tô Thị Thn, sinh năm 1972; anh Phạm Văn H, sinh năm 1985; chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1986, trú tại thôn Quang Lang Đoài, xã Thụy Hải; chị Bùi Thị H9, sinh năm 1991; chị Mai H8, sinh năm 1973, trú tại thôn Quang Lang Đông, xã Thụy Hải; chị Vũ Thị X, sinh năm 1993, trú tại thôn Tam Đồng, xã Thụy Hải; anh Mai Ngọc M7, sinh năm 1991; anh Nguyễn Ngọc Th6, sinh năm 1991, trú tại thôn An Cỏ Bắc, xã An Tân; chị Vũ Thị M6, sinh năm 1971; chị Hoàng Thị N, sinh năm 1976; chị Chiêu Thị Ch, sinh năm 1997; chị Phạm Thị Th9, sinh năm 1977; chị Trần Thị Ngọc M5, sinh năm 1984; chị Nguyễn Thị X2, sinh năm 1988, trú tại xã Thụy Xuân; chị Nguyễn Thị Lan H4, sinh năm 1993, trú tại xã Thụy Liên): các khoản vay này, T tính lãi suất vượt quá 20%/năm nhưng chưa vượt quá 05 lần so với mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thái Thụy đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Thái Thụy ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Tạ Đình T theo thẩm quyền là đúng quy định pháp luật.

[8.3] Tạ Đình T còn cho các cá nhân khác vay tiền (gồm: chị Nguyễn Thị Th2, sinh năm 1970, trú tại thôn Vũ Đông, xã Thụy Xuân; chị Nguyễn Thị Thảo, sinh năm 1986, trú tại thôn Vạn Xuân Đông, xã Thụy Xuân; chị Nguyễn Thị Thái, sinh năm 1979; chị Nguyễn Thị Duyên, sinh năm 1986, trú tại thôn Quang Lang Đoài, xã Thụy Hải; anh Tạ Bá Hoàn, sinh năm 1980; chị Trần Thị P, sinh năm 1958, trú tại thôn Quang Lang Đông, xã Thụy Hải): quá trình điều tra xác định những người này không có mặt tại địa phương, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thái Thụy chưa làm rõ được số tiền vay, hình thức vay, mức lãi suất nên tiếp tục điều tra xác minh, làm rõ và xem xét xử lý theo quy định pháp luật.

[8.4] Trong sổ quản lý còn thể hiện Tạ Đình T cho một số cá nhân khác vay tiền nhưng do không ghi đầy đủ và Tạ Đình T không nhớ thông tin về họ và tên, năm sinh, địa chỉ của những người này. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thái Thụy đã xác minh nhưng không có thông tin trong dữ liệu dân cư do Công an các xã quản lý hoặc không đủ cơ sở để xác minh nên tiếp tục xác minh, làm rõ để xử lý sau.

[8.5] Đối với các chữ trong khung màu xanh tại các T1 18, 28 và các chữ tại các T1 62, 63, 64 trên mẫu ký hiệu A3 (quyển số 2), kết quả giám định không phải là chữ viết của T. Bị cáo T khai 03 quyển sổ trên để ở nhà, có nhiều người ra vào nên không rõ đó là chữ viết của ai, do vậy không có cơ sở để xác minh làm rõ.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Tạ Đình T phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

2. Hình phạt: Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 201; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Tạ Đình T 01 (Một) năm 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ, không khấu trừ thu nhập đối với Tạ Đình T. Giao bị cáo Tạ Đình T cho Ủy ban nhân dân xã Thụy Hải, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình và gia đình giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Thái Thụy nhận được Quyết định thi hành án. Không khấu trừ thu nhập của bị cáo Tạ Đình T. Phạt bổ sung 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) sung công quỹ nhà nước.

3. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự, Nghị quyết số 01/2021/NQQ-HĐTP ngày 20/12/2021 hướng dẫn về việc xét xử về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự:

- Buộc bị cáo Tạ Đình T phải nộp số tiền 186.357.000 đồng (trong đó: 180.000.000 đồng là số tiền gốc và 6.357.000 đồng là số tiền tính theo mức lãi suất 20%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự) để sung quỹ Nhà nước.

- Buộc chị Bùi Thị Thu T1, sinh năm 1989; Địa chỉ: Số nhà 141B, tổ dân phố số 9, thị trấn D, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình nộp số tiền 50.000.000 đồng và chị Bùi Thị H, sinh năm 1993; Địa chỉ: Số nhà 141, tổ dân phố số 9, thị trấn D, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình nộp số tiền 20.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

- Buộc bị cáo Tạ Đình T trả lại số tiền 1.226.000đ cho chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn 3 Phong Lầm, xã Thụy Phong, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nhưng người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 (Một) Chiếc điện thoại di động loại bàn phím, vỏ màu đen nhãn hiệu Nokia 105, số Imei: 356107168517327, điện thoại đã qua sử dụng.

(Các tài sản đồ vật trên có đặc điểm ghi trong biên bản giao nhận vật chứng, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy ngày 01/12/2023).

5. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Tạ Đình T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 30/01/2024. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện Thái Thụy;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện Thái Thụy;
- Công an huyện Thái Thụy;
- Công an tỉnh Thái Bình (PC10);
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Bình;
- UBND xã Thụy Hải;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Xuân Quỳnh

HỘI THẨM **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA